**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÌNH SƠN**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2020/QĐST – HNGĐ

*Bình Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2020*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật HN&GĐ năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 83/2020/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1992;

2/ Tạ Thị Như H, sinh năm 1998;

Đều địa chỉ: Đội X, xóm T, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc Đ và chị Tạ Thị Như H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q vào ngày 30/7/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng tháng 7/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vã có lúc dẫn đến xô xát nhau. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải cho vợ chồng nhưng cả hai không hàn gắn được. Khi xảy ra mẫu thuẫn thì H bỏ về cha mẹ đẻ ở, anh Đ và chị H sống ly thân với nhau gần được 5 tháng. Nay anh Đ, chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải thoát cho đôi bên. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Anh Đ, chị H có một con chung là Nguyễn Hoài Nh, sinh ngày 02/4/2015 hiện nay đang ở với anh Đ. Anh, chị thỏa thuận giao con cho anh Đ tiếp tục nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh Đ và chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tạ Thị Như H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc Đ và chị Tạ Thị Như H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ, chị H thống nhất có một con chung là Nguyễn Hoài Nh, sinh ngày 02/4/2015 hiện nay đang ở với anh Đ. Giao cháu Nguyễn Hoài Nh cho anh Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tạ Thị Như H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị H xác định là không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Khắc Đ và chị Tạ Thị Như H có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh Đ, chị H đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000704, ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

*(Đã Ký)*

**Võ Đình Chung**